

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 09/11/2018

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kia

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Loan Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Hồ Yến N**, sinh năm 1998; địa chỉ: Tổ 01, phường A1, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Trần Hữu T**, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn T3, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hồ Yến N trình bày: Tôi và anh Trần Hữu T tự nguyện Đ ký kết hôn tại UBND xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai vào ngày 27/8/2016. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T ham chơi không quan tâm chăm lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tôi và anh T đã không còn chung sống với nhau từ tháng 7/2017 cho đến nay, hiện nay không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau, vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc nên không thể kéo dài cuộc sống chung với nhau được, do vậy Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Trần Hữu T.

Về con chung: Tôi và anh T có 01 con chung là Trần Hải Đ, sinh ngày 13/01/2018. Tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Đ.

Trong đơn khởi kiện Tôi có yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000, nhưng sau đó tôi đã xin rút lại yêu cầu này. Tại phiên tòa hôm nay tôi không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản khai có trong hồ sơ bị đơn anh Trần Hữu T thể hiện: Anh T và chị N tự nguyện tìm hiểu và có Đ ký kết hôn tại UBND xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai vào ngày 27/8/2016. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do cô N sinh xong ở nhà ngoại và không chịu quay về nhà anh T sống nên vợ chồng cãi nhau. Nay chị N cương quyết ly hôn thì anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Về con chung: anh T và chị N có 01 con chung là Trần Hải Đ, sinh ngày 13/01/2018. Anh T đồng ý giao cho cô N trực tiếp nuôi dưỡng nhưng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Hồ Yến N yêu cầu ly hôn với anh Trần Hữu T, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn T3, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Bị đơn anh Trần Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Yến N và anh Trần Hữu T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị N và anh T có phát sinh mâu thuẫn, không còn quan tâm chăm sóc nhau, chị N và anh T đã không còn chung sống với nhau từ 7/2017 đến nay, nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T. Anh T cũng đồng ý ly hôn với chị N. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T như vậy là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hồ Yến N với anh Trần Hữu T.

[4] Về việc nuôi con: Chị N và anh T có 01 con chung là Trần Hải Đ, sinh ngày 13/01/2018. Xét chị N đang trong độ tuổi lao động, có sức khỏe, đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Hiện nay cháu Đ còn dưới 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Do vậy, cần giao cho chị N trực tiếp

nuôi con là cháu Trần Hải Đ, sinh ngày 13/01/2018 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi và tự lập được là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Hồ Yến N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn anh Trần Hữu T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Yến N cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân*: chị Hồ Yến N được ly hôn với anh Trần Hữu T.

- *Về việc nuôi con*: Giao cho chị Hồ Yến N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Hải Đ, sinh ngày 13/01/2018 khi cháu Đ chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về án phí*: Chị Hồ Yến N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên

lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007001 ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trần Hữu T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (09/11/2018), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa được tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- UBND xã S, thị xã A
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Long Sơn

